

A. TRẮC NGHIỆM**Phần I. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu sau đây:****Câu 1.** Phương pháp kí hiệu đường chuyển động thường dùng để thể hiện

- A. các đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ.
- B. các đối tượng có khả năng di chuyển.
- C. các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể.
- D. thể hiện giá trị tổng cộng của 1 đối tượng trên một đơn vị lãnh thổ.

Câu 2. Nội dung nào sau đây thể hiện vai trò môn Địa lý trong cuộc sống hàng ngày?

- A. Cung cấp kiến thức cơ bản để hiểu môi trường sống xung quanh.
- B. Định hướng những nghề nghiệp trong tương lai không rõ ràng.
- C. Chỉ giúp chúng ta thích nghi với thay đổi diễn ra trong tự nhiên.
- D. Chỉ giúp chúng ta biết cách ứng với thay đổi diễn ra trong xã hội.

Câu 3. Lớp vỏ Trái Đất dày khoảng

- A. 5km ở đại dương và 70km ở lục địa.
- B. 15km ở đại dương và 7km ở lục địa.
- C. 5km ở đại dương và 7km ở lục địa.
- D. 25km ở đại dương và 17km ở lục địa.

Câu 4. Những vùng bất ổn của vỏ Trái Đất thường nằm ở

- A. trung tâm các lục địa.
- B. phần rìa lục địa.
- C. địa hình núi cao.
- D. ranh giới các mảng kiến tạo.

Câu 5. Đá macma được hình thành

- A. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.
- B. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.
- C. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.
- D. từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.

Câu 6. Nơi tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo sẽ thường xuất hiện

- A. động đất, núi lửa.
- B. bão.
- C. ngập lụt.
- D. thủy triều dâng.

Câu 7. Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua

- A. quá trình xâm thực.
- B. quá trình vận chuyển.
- C. quá trình phong hóa.
- D. vận động kiến tạo.

Câu 8. Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là do

- A. sự phân hủy các chất phóng xạ.
- B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.
- C. các phản ứng hoá học khác nhau.
- D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 9. Giới hạn của Thạch quyển là

- A. lớp Manti.
- B. vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Manti.
- C. vỏ Trái Đất và lớp Manti.
- D. vỏ Trái Đất và phần dưới của lớp Manti.

Câu 10. Thạch quyển là lớp vỏ cứng ngoài cùng của Trái Đất bao gồm phần trên của lớp Manti và

- A. vỏ lục địa.
- B. vỏ Trái Đất.
- C. Manti dưới.
- D. vỏ đại dương.

Câu 11. Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của

- A. sự phân hủy các chất phóng xạ.
- B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.
- C. các phản ứng hóa học khác nhau.
- D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 12. Không khí ở tầng đối lưu bị đốt nóng chủ yếu do nhiệt của

- A. bức xạ Mặt Trời.
- B. lớp vỏ Trái đất.
- C. lớp Manti trên.
- D. bức xạ Mặt đất.

Phần II. Hãy lựa chọn Đúng hoặc Sai cho các câu sau đây**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Trên bề mặt Trái Đất có 24 khu vực giờ. Giờ của kinh tuyến đi qua giữa khu vực được lấy làm giờ chung cho cả khu vực đó. Để thống nhất việc sử dụng giờ trên toàn thế giới, Hội nghị quốc tế về kinh tuyến họp tại Oa-sinh-ton (Hoa Kỳ) vào năm 1884 đã thống nhất lấy giờ ở khu vực giờ có kinh tuyến gốc đi qua làm giờ quốc tế hay còn gọi là giờ GMT (Greenwich Mean Time) và đánh số 0.

- a) Giờ trên Trái Đất là hệ quả của sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.
- b) Các khu vực trên Trái Đất đều có giờ trùng nhau.
- c) Lãnh thổ nước ta nằm ở múi giờ số 7.
- d) Để thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các quốc gia đã sử dụng giờ địa phương.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Hang Sơn Đoòng là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới đã biết, nằm tại xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hang Sơn Đoòng nằm trong quần thể hang động Phong Nha – Kẻ Bàng và là một phần của hệ thống ngầm nối với hơn 150 động khác ở Việt Nam gần biên giới với Lào.

- a) Hang động thường xuất hiện ở những nơi có đá vôi.
- b) Hang Sơn Đoòng là sản phẩm của quá trình ngoại lực.
- c) Hang động là một trong những biểu hiện của địa hình vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- d) Phong hoá vật lí là quá trình chủ đạo tạo ra hang động.

Phần III. Trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu 1. Bản đồ có tỉ lệ là 1: 9 000 000. Hãy cho biết 1 cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 2. Một trận bóng đá ở nước Anh được tổ chức vào 20h ngày 13/1/2025. Ở Việt Nam sẽ được xem truyền hình trực tiếp vào lúc mấy giờ, ngày nào?

Câu 3. Theo quy luật đai cao, cứ lên cao 100 m trong điều kiện thời tiết ổn định thì nhiệt độ không khí sẽ giảm 0,6°C. Khi nhiệt độ không khí ở chân núi Hi-ma-lay-a là 20°C thì tại độ cao 2000m sườn đón gió của đỉnh núi này có nhiệt độ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 4. Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất tại Luân Đôn (Anh) là 13°C, nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất ở đây là 1°C. Cho biết biên độ nhiệt độ năm ở Luân Đôn là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

B. TỰ LUẬN

Câu 5. Giải thích câu ca dao:

“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối”

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm ở bán cầu Bắc
(Đơn vị: °C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Bán cầu Bắc								
Nhiệt độ trung bình năm	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	-0,6	-10,4	-20,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

Nhận xét về sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái đất theo vĩ độ?

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI THAM KHẢO

I. BẢNG ĐÁP ÁN TỔNG HỢP

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Phần I	B	A	A	D	A	A	D	D	B	B	D	D
Phần II		a			b			c			d	
Câu 1		Đúng			Sai			Đúng			Sai	
Câu 2		Đúng			Đúng			Đúng			Sai	
Phần III						Đáp án						

Câu 1	90 km
Câu 2	03 giờ ngày 14/01/2025
Câu 3	8°C
Câu 4	12°C

II. GIẢI CHI TIẾT PHẦN A – TRẮC NGHIỆM

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1. Đáp án B.

Giải thích: Phương pháp kí hiệu đường chuyển động thể hiện hướng, tuyến đường và quy mô di chuyển của đối tượng như gió, dòng biển, luồng hàng hóa hay di cư. Các phương án khác liên quan đến các phương pháp biểu hiện đối tượng phân bố theo điểm hoặc theo lãnh thổ.

Câu 2. Đáp án A.

Giải thích: Môn Địa lí giúp hiểu tự nhiên, dân cư, hoạt động kinh tế và mối quan hệ con người – môi trường, từ đó vận dụng trong đời sống. Các phương án B, C, D sai vì dùng cách diễn đạt phủ định hoặc giới hạn vai trò quá hẹp.

Câu 3. Đáp án A.

Giải thích: Vỏ Trái Đất thường mỏng dưới đại dương (khoảng 5–10 km) và dày hơn dưới lục địa (có thể tới khoảng 70 km dưới núi cao). Trong các phương án đề cho, A phù hợp nhất.

Lưu ý: Các trị số là xấp xỉ, không phải mọi nơi đều đúng 5 km/70 km.

Câu 4. Đáp án D.

Giải thích: Các mảng kiến tạo tương tác tại ranh giới tách giãn, hội tụ hoặc trượt ngang. Vì vậy các vùng này thường tập trung động đất, núi lửa và biến dạng vỏ Trái Đất.

Câu 5. Đáp án A.

Giải thích: Đá macma hình thành khi magma hoặc dung nham nguội và kết tinh. Đáp án A mô tả trường hợp dung nham phun lên mặt đất; thực tế đá macma cũng có thể kết tinh trong lòng đất. B là đá trầm tích; C mô tả biến chất.

Lưu ý: Đáp án A đúng nhất trong bốn lựa chọn nhưng chưa bao quát đá macma xâm nhập.

Câu 6. Đáp án A.

Giải thích: Tại nơi tiếp xúc mảng, ứng suất kiến tạo tích tụ và giải phóng gây động đất; nhiều đới hút chìm hay tách giãn còn tạo điều kiện xuất hiện núi lửa. Bão, ngập lụt và thủy triều không phải biểu hiện đặc trưng của ranh giới mảng.

Câu 7. Đáp án D.

Giải thích: Nội lực là lực có nguồn gốc bên trong Trái Đất, biểu hiện qua vận động kiến tạo như nâng lên, hạ xuống, uốn nếp, đứt gãy. Phong hóa, xâm thực và vận chuyển chủ yếu thuộc ngoại lực.

Câu 8. Đáp án D.

Giải thích: Năng lượng nội lực bắt nguồn từ bên trong Trái Đất, trong đó có nhiệt do phân rã phóng xạ và nhiệt bên trong. Bức xạ Mặt Trời là nguồn năng lượng chủ yếu của ngoại lực, nên là phương án không thuộc nguồn nội lực.

Câu 9. Đáp án B.

Giải thích: Thạch quyển gồm toàn bộ vỏ Trái Đất cùng phần trên cùng rắn chắc của lớp Manti; không bao gồm toàn bộ lớp Manti.

Câu 10. Đáp án B.

Giải thích: Theo định nghĩa, thạch quyển gồm vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Manti. Vì đề đã nêu phần Manti trên nên bộ phận còn thiếu là vỏ Trái Đất.

Câu 11. Đáp án D.

Giải thích: Ngoại lực có nguồn năng lượng chủ yếu từ bức xạ Mặt Trời, tác động qua biến đổi nhiệt độ, gió, mưa, nước chảy... gây phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.

Câu 12. Đáp án D.

Giải thích: Bề mặt đất hấp thụ năng lượng Mặt Trời rồi phát bức xạ sóng dài, truyền nhiệt cho không khí tầng đối lưu từ phía dưới. Vì thế không khí tầng đối lưu được đốt nóng chủ yếu từ bức xạ Mặt đất.

Phần II. Trắc nghiệm Đúng/Sai

Câu 1. Các khu vực giờ trên Trái Đất

- a) Đúng. Trái Đất tự quay từ tây sang đông làm các kinh tuyến lần lượt hướng về Mặt Trời; giờ ở các kinh tuyến khác nhau.
- b) Sai. Trái Đất chia thành 24 khu vực giờ quy ước, các khu vực có giờ khác nhau; có thể cùng giờ ở một số nước do quy định thực tế.
- c) Đúng. Việt Nam sử dụng giờ thống nhất UTC+7 (múi giờ số 7).
- d) Sai. Để thuận lợi giao lưu và quản lí, các quốc gia chủ yếu dùng giờ thống nhất theo múi giờ hoặc giờ pháp định, không phải mỗi địa phương tự dùng giờ Mặt Trời riêng.

Câu 2. Hang Sơn Đoòng và địa hình karst

Cập nhật địa danh: Thông tin đề dùng tên cũ “xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình”. Theo Nghị quyết 1680/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp cấp xã năm 2025, xã Tân Trạch sáp nhập cùng xã Thượng Trạch thành xã Thượng Trạch thuộc tỉnh Quảng Trị (mới). Vì vậy nên ghi: Hang Sơn Đoòng, xã Thượng Trạch, tỉnh Quảng Trị. Việc thay tên hành chính không làm thay đổi bản chất câu hỏi Địa lí.

- a) Đúng. Đá vôi có thể bị nước chứa CO_2 hòa tan theo thời gian, tạo địa hình karst với hang, động, hồ sụt.
- b) Đúng. Hang hình thành chủ yếu do tác động ngoại lực của nước, nhất là quá trình hòa tan, xâm thực đá vôi.
- c) Đúng (theo ngữ cảnh bài học). Địa hình karst và hang động phát triển điển hình tại nhiều vùng nhiệt đới ẩm mưa nhiều như Phong Nha – Kẻ Bàng. Tuy nhiên, hang động không phải dạng địa hình chỉ có ở khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa; có ở các đới khí hậu khác.
- d) Sai. Tác nhân chủ đạo tạo hang đá vôi là phong hóa hóa học (hòa tan CaCO_3), kết hợp tác dụng xâm thực của nước; không phải phong hóa vật lí.

Phần III. Câu trả lời ngắn

Câu 1. Đáp án: 90 km.

Tỉ lệ 1 : 9 000 000 nghĩa là 1 cm trên bản đồ bằng 9 000 000 cm ngoài thực tế. Đổi đơn vị: 9 000 000 : 100 000 = 90 km. Kết quả đã là số nguyên.

Câu 2. Đáp án: 03 giờ ngày 14/01/2025.

Ngày 13/01, nước Anh sử dụng giờ GMT (UTC+0), Việt Nam UTC+7, nên Việt Nam nhanh hơn Anh 7 giờ. 20 giờ + 7 giờ = 27 giờ = 03 giờ ngày hôm sau, tức 14/01/2025. Không dùng giờ mùa hè vì tháng 1 ở Anh là mùa đông.

Câu 3. Đáp án: 8°C.

Độ cao tăng: 2 000 m. Số lần 100 m: $2\,000 : 100 = 20$. Nhiệt độ giảm: $20 \times 0,6 = 12^\circ\text{C}$. Nhiệt độ ở độ cao 2 000 m: $20 - 12 = 8^\circ\text{C}$. Đây là bài toán áp dụng trực tiếp suất giảm nhiệt đề cho.

Câu 4. Đáp án: 12°C .

Biên độ nhiệt độ năm = nhiệt độ trung bình tháng cao nhất – nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất = $13 - 1 = 12^\circ\text{C}$.

III. GIẢI CHI TIẾT PHẦN B – TỰ LUẬN

Câu 1. Giải thích câu ca dao

“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng / Ngày tháng mười chưa cười đã tối”.

Câu ca dao phản ánh sự thay đổi độ dài ngày và đêm theo mùa tại Việt Nam ở bán cầu Bắc. Do trục Trái Đất nghiêng khoảng $23^\circ 27'$ so với phương vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo và giữ hướng gần như không đổi khi Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời, mỗi bán cầu lần lượt ngả về hoặc chéch xa Mặt Trời trong năm.

Vào khoảng tháng năm âm lịch (gần mùa hạ), bán cầu Bắc có ngày dài hơn đêm; trời sáng sớm, tối muộn nên “đêm ... chưa nằm đã sáng”. Vào khoảng tháng mười âm lịch (gần mùa đông), bán cầu Bắc có ngày ngắn hơn đêm; trời tối sớm nên “ngày ... chưa cười đã tối”.

Kết luận: câu ca dao thể hiện hiện tượng ngày – đêm dài ngắn theo mùa; đây không phải do Trái Đất tự quay đơn thuần mà do sự phối hợp của độ nghiêng trục và chuyển động quanh Mặt Trời.

Câu 2. Nhận xét nhiệt độ không khí theo vĩ độ ở bán cầu Bắc

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Nhiệt độ TB năm ($^\circ\text{C}$)	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	-0,6	-10,4	-20,0
Biên độ nhiệt năm ($^\circ\text{C}$)	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

Nhận xét 1 – Nhiệt độ trung bình năm: Nhìn chung giảm từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao, do góc nhập xạ và lượng bức xạ Mặt Trời nhận được giảm. Tại 20°B là $25,0^\circ\text{C}$, đến 80°B còn $-20,0^\circ\text{C}$, giảm $45,0^\circ\text{C}$. Riêng 0° có $24,5^\circ\text{C}$, thấp hơn 20°B $0,5^\circ\text{C}$ nên không thể nói dãy số giảm liên tục ngay từ 0° .

Nhận xét 2 – Biên độ nhiệt năm: Nhìn chung tăng từ vùng vĩ độ thấp lên vĩ độ cao do sự chênh lệch nhiệt giữa các mùa tăng. Ở 0° là $1,8^\circ\text{C}$, đến 70°B là $32,2^\circ\text{C}$; tuy nhiên ở 80°B giảm nhẹ còn $31,0^\circ\text{C}$. Vì vậy cần dùng từ “nhìn chung”, tránh khẳng định tăng liên tục.

Giải thích bổ sung: Ngoài vĩ độ, nhiệt độ còn phụ thuộc phân bố lục địa – đại dương, hoàn lưu khí quyển, dòng biển và địa hình. Bảng số liệu chỉ phản ánh bán cầu Bắc, không đủ để suy ra chính xác từng vĩ độ của cả hai bán cầu.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I LỚP 10

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng	Tỉ lệ % điểm
			Nhiều lựa chọn	Đúng - sai	Trả lời ngắn	Tự luận		

																		m
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1. Một số VD chung	1. Bản đồ	2	1*		1*				1	1*				3			10,0
2	Chủ đề 2. Trái Đất	2.1. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng	4	1*	1*	1*	1*	1*		1*	1*	1*	1*	1*	2			10,0
		2.2. Hệ quả CD chính của Trái Đất		1*	1*	1	2	1		1	1*	1*	1*	1	3	3	2	30,0
3	Chủ đề 3. Thạch quyển	3.1. Thạch quyển. Nội lực	4	1*		1*	1*	1*		1*	1*	1*	1*	1*	4			10,0
		3.2. Ngoại lực và tác động của ngoại lực	1	1*	1*	2	1	1		1*	1*	1*	1*	1*	3	1	1	12,5
4	Chủ đề 4. Khí quyển	4.1. Khí quyển. Nhiệt độ không khí	1	1*	1*	1*	1*	1*			2		1		1	1	2	27,5
Tổng số câu			12	0	0	3	3	2		2	2		1	1	16	5	5	
Tổng số điểm			3.0	0	0	0.75	0.75	0.5		1.0	1.0		1,5	1,5	40	30	30	
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%						100

Nhận biết: 16 = 4,0 điểm.

Thông hiểu: 4 = 1,5 điểm + 1,5 điểm tự luận. (3 điểm)

Vận dụng: 4 = 1,5 điểm + 1,5 điểm tự luận. (3 điểm)

Lưu ý: Bảng ma trận phải đảm bảo 2 điều kiện + Đảm bảo tỉ lệ **TN 70%** (TNKQ 30%; Đ-S 20%; TLN 20): **TỰ LUẬN 30%**.

+ Đảm bảo tỉ lệ mức độ: **NB 40%, TH 30%, VD 30%**.

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I, LỚP 10

T T	Chur ơng/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Đặc tả	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Bi ết	Hi ể u	VD	Bi ết	Hi ể u	V D	Bi ết	Hi ể u	V D	Bi ết	Hi ể u	VD
1	Chủ đề 1. Một	1. Bản đồ (1,0 điểm)	Nhận biết - Nhận biết được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên	2	1*		1*				1	1*			

	số VĐ chun g		bản đồ. - Nhận biết được vai trò của môn Địa lí trong học tập và đời sống. Thông hiểu Làm được các dạng toán về tỉ lệ bản đồ.											
2	Chủ đề 2. Trái Đất	2.1. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng (1,0 điểm)	Nhận biết - Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng. Thông hiểu Hiểu được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. Vận dụng Giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa.	4	1*	1*	1*	1*	1*	1*	1*	1*	1*	1*
		2.2. Hệ quả CD chính của Trái Đất (3,0 điểm)	Thông hiểu Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất. Vận dụng - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian. - Làm được các dạng toán tính ngày, giờ.				1	2	1		1	1*	1*	1*
3	Chủ đề 3. Thạ ch quyển n	3.1. Thạch quyển. Nội lực (1,0 điểm)	Nhận biết Trình bày được khái niệm thạch quyển, nội lực. Thông hiểu - Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. - Hiểu được nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Nhận xét được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.	4	1*		1*	1*	1*		1*	1*	1*	1*

			Vận dụng - Liên hệ được thực tế địa phương về các dạng địa hình được hình thành. - Phân tích được các công cụ địa lí về tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.												
		3.2. Ngoại lực và tác động của ngoại lực (1,25 điểm)	Nhận biết Trình bày khái niệm ngoại lực. Thông hiểu Hiểu được nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. Vận dụng - Liên hệ được thực tế địa phương về các dạng địa hình được hình thành. - Phân tích được các công cụ địa lí về tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.	1	1*	1*	2	1	1		1* **	1* **	1* **	1* **	1* **
4	Chủ đề 4. Khí quyển	4.1. Khí quyển. Nhiệt độ không khí (2,75 điểm)	Nhận biết - Nêu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất. Thông hiểu - Nhận xét và giải thích sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất. Vận dụng - Phân tích được các công cụ địa lí về sự thay đổi nhiệt độ không khí. - Làm được các dạng tính toán về khí quyển.	1	1*	1*	1*	1*	1*			2		1	
Tổng số câu				1 2	0	0	3	3	2		2	2		1	1
Tổng số điểm				3. 0	0	0	0. 75	0.7 5	0. 5		1. 0	1. 0		1, 5	1,5
Tỉ lệ %				30%			20%				20%			30%	

Nhận biết: 12 = 4,0 điểm.

Thông hiểu: 4 = 1,5 điểm + 1,5 điểm tự luận.

Vận dụng: 4 = 1,5 điểm + 1,5 điểm tự luận.

BIÊN SOẠN CÂU HỎI PHÙ HỢP YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC CÁC NĂNG LỰC CỦA HS

Mô tả năng lực	Yêu cầu cần đạt của CTGDPT	Câu hỏi đánh giá
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ (NL1) Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Nhận biết được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Nhận biết được vai trò của môn Địa lí trong học tập và đời sống. TÌM HIỂU ĐỊA LÍ (NL2) Sử dụng các công cụ địa lí học Thực hiện được một số tính toán đơn giản.	Nội dung: Bản đồ Yêu cầu cần đạt: Nhận biết Nhận biết được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. (NL1) Thông hiểu Sử dụng được các công cụ địa lí học. (NL1)	Câu hỏi dạng 1 Câu 1. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động thường dùng để thể hiện A. các đối tượng phân bố phân tán, lẻ tẻ. B. các đối tượng có khả năng di chuyển. C. các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể. D. giá trị tổng cộng của 1 đối tượng trên một đơn vị lãnh thổ. Câu 2. Nội dung nào sau đây thể hiện vai trò môn Địa lí trong cuộc sống hàng ngày? A. Cung cấp kiến thức cơ bản để hiểu môi trường sống xung quanh. B. Định hướng những nghề nghiệp trong tương lai không rõ ràng. C. Chỉ giúp chúng ta thích nghi với thay đổi diễn ra trong tự nhiên. D. Chỉ giúp chúng ta biết cách ứng với thay đổi diễn ra trong xã hội. Câu hỏi dạng 3 Câu 1. Bản đồ có tỉ lệ là 1: 9 000 000. Cho biết 1 cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị) ĐA: 90
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ (NL1) Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian - Nhận biết được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng. - Trình bày được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất. Giải thích các hiện tượng và quá	Nội dung: 2.1. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng 2.2. Hệ quả CĐ chính của Trái Đất Yêu cầu cần đạt: Nhận biết - Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng và hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất. Thông hiểu	Câu hỏi dạng 1 Câu 1. Lớp vỏ Trái Đất dày khoảng A. 5km ở đại dương và 70km ở lục địa. B. 15km ở đại dương và 7km ở lục địa. C. 5km ở đại dương và 7km ở lục địa. D. 25km ở đại dương và 17km ở lục địa. Câu 2. Những vùng bất ổn của vỏ Trái Đất thường nằm ở A. trung tâm các lục địa. B. phần rìa lục địa. C. địa hình núi cao. D. ranh giới các mảng kiến tạo. Câu 3. Đá macma được hình thành A. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi. B. ở nơi trùng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

<p>trình địa lí</p> <p>Giải thích được một số hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất, phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương.</p> <p>TÌM HIỂU ĐỊA LÍ (NL2)</p> <p>Sử dụng các công cụ địa lí học</p> <p>Thực hiện được một số tính toán đơn giản.</p> <p>VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐÃ HỌC (NL3)</p> <p>Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn</p> <p>Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh.</p>	<p>- Hiểu được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa.</p> <p>- Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay; chuyển động quanh Mặt Trời.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa.</p> <p>- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh.</p> <p>- Làm được các dạng toán tính ngày, giờ.</p>	<p>C. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao. D. từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.</p> <p>Câu 4. Nơi tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo sẽ thường xuất hiện A. động đất, núi lửa. B. bão. C. ngập lụt. D. thủy triều dâng.</p> <p>Câu hỏi dạng 2</p> <p>Câu 1. Cho thông tin sau:</p> <p><i>Trên bề mặt Trái Đất có 24 khu vực giờ. Giờ của kinh tuyến đi qua giữa khu vực được lấy làm giờ chung cho cả khu vực đó. Để thống nhất việc sử dụng giờ trên toàn thế giới, Hội nghị quốc tế về kinh tuyến họp tại Oa-sinh-ton (Hoa Kỳ) vào năm 1884 đã thống nhất lấy giờ ở khu vực giờ có kinh tuyến gốc đi qua làm giờ quốc tế hay còn gọi là giờ GMT và đánh số 0.</i></p> <p>a) Giờ trên Trái Đất là hệ quả của sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. b) Các khu vực trên Trái Đất đều có giờ trùng nhau. c) Lãnh thổ nước ta nằm ở múi giờ số 7. d) Để thuận lợi cho quá trình phát triển KT - XH, các quốc gia đã sử dụng giờ địa phương.</p> <p>Câu hỏi dạng 3</p> <p>Câu 1. Một trận bóng đá ở nước Anh được tổ chức vào 20h ngày 13/1/2025. Ở Việt Nam sẽ được xem truyền hình trực tiếp vào lúc mấy giờ? ĐA: 3h ngày 14/1/2025.</p> <p>Câu hỏi dạng 4</p> <p>Câu 1. Giải thích câu ca dao “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng; Ngày tháng mười chưa cười đã tối”.</p>
<p>NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ (NL1)</p> <p>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</p> <p>-Trình bày được khái niệm thạch quyển, nội lực. - Trình bày khái niệm ngoại lực.</p> <p>Giải thích các hiện tượng và quá</p>	<p>Nội dung:</p> <p>3.1. Thạch quyển. Nội lực 3.2. Ngoại lực và tác động của ngoại lực</p> <p>Yêu cầu cần đạt:</p> <p>Nhận biết</p> <p>Trình bày được khái niệm thạch quyển, nội lực, ngoại lực.</p> <p>Thông hiểu</p>	<p>Câu hỏi dạng 1</p> <p>Câu 1: Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua A. quá trình xâm thực. B. quá trình vận chuyển. C. quá trình phong hóa. D. vận động kiến tạo.</p> <p>Câu 2: Nguồn năng lượng sinh ra nội lực không phải là do A. sự phân huỷ các chất phóng xạ. B. sự dịch chuyển các dòng vật chất. C. các phản ứng hoá học khác nhau. D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.</p> <p>Câu 3: Giới hạn của Thạch quyển là</p>

<p>trình địa lí</p> <p>Giải thích được một số hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất, phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương.</p> <p>TÌM HIỂU ĐỊA LÍ (NL2)</p> <p>Sử dụng các công cụ địa lí học</p> <p>Thực hiện được một số tính toán đơn giản.</p> <p>VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC (NL3)</p> <p>Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn</p> <p>Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. - Hiểu được nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên Trái Đất. - Liên hệ được thực tế địa phương về các dạng địa hình được hình thành. - Phân tích được các công cụ địa lí, đoạn thông tin về tác động của nội lực đến địa hình bề mặt TĐ. - Liên hệ được thực tế địa phương về các dạng địa hình được hình thành. - Phân tích được các công cụ địa lí, đoạn thông tin về tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. <p>Vận dụng</p>	<p>A. lớp Manti. B. vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Manti. C. vỏ Trái Đất và lớp Manti. D. vỏ Trái Đất và phần dưới của lớp Manti.</p> <p>Câu 4: Thạch quyển là lớp vỏ cứng ngoài cùng của Trái Đất bao gồm phần trên của lớp Manti và vỏ đại dương.</p> <p>Câu 5: Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của</p> <p>A. sự phân hủy các chất phóng xạ. B. sự dịch chuyển các dòng vật chất. C. các phản ứng hóa học khác nhau. D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.</p> <p>Câu hỏi dạng 2</p> <p>Câu 1: Cho thông tin sau:</p> <p><i>Hang Sơn Đoòng là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới đã biết, nằm tại xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hang Sơn Đoòng nằm trong quần thể hang động Phong Nha – Kẻ Bàng và là một phần của hệ thống ngầm nối với hơn 150 động khác ở Việt Nam gần biên giới với Lào.</i></p> <p>a) Hang động thường xuất hiện ở những nơi có đá vôi. b) Hang Sơn Đoòng là sản phẩm của quá trình ngoại lực. c) Hang động là một trong những biểu hiện của địa hình vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. d) Phong hoá vật lí là quá trình chủ đạo tạo ra hang động.</p>
<p>NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ (NL1)</p> <p>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</p> <p>-Trình bày được khái niệm khí quyển.</p> <p>- Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.</p> <p>Giải thích các hiện tượng và quá</p>	<p>Nội dung: Khí quyển. Nhiệt độ không khí</p> <p>Yêu cầu cần đạt:</p> <p>Nhận biết</p> <p>- Nêu được khái niệm khí quyển.</p> <p>- Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình.</p> <p>Thông hiểu</p>	<p>Câu hỏi dạng 1</p> <p>Câu 1: Không khí ở tầng đối lưu bị đốt nóng chủ yếu do nhiệt của</p> <p>A. bức xạ Mặt Trời. B. lớp vỏ Trái đất. C. lớp Manti trên. D. bức xạ Mặt đất.</p> <p>Câu hỏi dạng 3</p> <p>Câu 1: Theo quy luật đai cao, cứ lên cao 100 m trong điều kiện thời tiết ổn định thì nhiệt độ không khí sẽ giảm 0,6°C. Khi nhiệt độ không khí ở chân núi Hi-ma-lay-a là 20°C thì tại độ cao 2000m sườn đón gió của đỉnh núi này có nhiệt độ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)</p>

trình địa lí

Giải thích được một số hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất, phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương.

TÌM HIỂU ĐỊA LÍ (NL2)**Sử dụng các công cụ địa lí học**

Thực hiện được một số tính toán.

Nhận xét sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.

Vận dụng

- Phân tích được các công cụ địa lí về sự thay đổi nhiệt độ không khí.
- Làm được các dạng toán của khí quyển.

ĐA: 8

Câu 2: Biết nhiệt độ trung bình tháng cao nhất tại Luân Đôn (Anh) là 13°C , nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất ở đây là 1°C . Hãy cho biết biên độ nhiệt độ năm ở Luân Đôn là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? **ĐA: 12**

Câu hỏi dạng 4

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm ở bán cầu Bắc
(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Bán cầu Bắc								
Nhiệt độ trung bình năm	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	- 0,6	- 10,4	- 20,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

Nhận xét về sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái đất theo vĩ độ?